

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 30 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Nguyễn Đức Khánh.

Ông Lê Tấn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Võ Duy Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HS, ngày 02/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2021/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Võ Thanh S; (tên gọi khác: Không); sinh ngày 02 tháng 02 năm 1970, tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn DC, xã ND, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hoá (học vấn) 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ C (đã chết) và bà Tạ Thị H, sinh năm 1936; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 165/QĐ-XPHC, ngày 02/6/2020 của Công an huyện NH về hành vi đánh bạc trái phép, hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng đã chấp hành xong ngày 13/7/2020).

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần B; (tên gọi khác: Không); sinh ngày 08 tháng 4 năm 1973, tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn DL, xã ND, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần U, sinh năm 1938 và bà Hồ Thị C1, sinh năm 1945; có vợ là Võ Thị H1, sinh năm 1980; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC, ngày 27/12/2019 của Công an xã ND, huyện TN về hành vi đánh bạc trái phép, hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng đã chấp hành xong ngày 07/01/2020).

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 1975;

Trú tại: Thôn DC, xã ND, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi

2. Ông Võ Văn S1, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1975.

Cùng trú tại: Thôn ĐA, xã ND, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Ông Lê Văn C2, sinh năm 1998.

Trú tại: Thôn NL, xã TD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Ông Nguyễn Hữu S2, sinh năm 1987;

Trú tại: Thôn ĐX, xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ông Huỳnh Ngọc H3, sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn Đại Q, xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Nguyễn Thị H2 có mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 30 phút, ngày 15/12/2020, tại quán cà phê của Nguyễn Thị Kiều T1 ở thôn AP, xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi có Trần B, Lê Văn Chí, Nguyễn Thị H2, Võ Thanh S, Nguyễn Hữu S2, Huỳnh Ngọc H3 và Võ Văn S1 đang đánh bài tiến lên. Sòng bài thứ nhất gồm: S, S2, H3 và S1; Sòng bài thứ hai gồm: B, T1, C2 và H2 thì bị Công an xã HT, huyện NH phát hiện, lập biên bản và thu giữ: 02 bộ bài tây 52 lá, số tiền trên sòng bài thứ nhất là 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) và số tiền trên sòng bài thứ hai là 1.530.000 đồng (một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Trước đó, các đối tượng trên cùng rủ nhau đánh bạc với hình thức đánh bài tiến lên ăn tiền với mức 10.000 đồng (mười nghìn đồng) và 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) một ván với phương thức thắng thua như sau: Một sòng bài có 04 người sử dụng 01 bộ bài tây 52 lá bài đánh với nhau, mỗi ván bài sẽ xáo trộn đều 52 lá bài trong bộ bài rồi chia đều cho từng người với số lượng 13 lá bài. Thứ tự từ nhỏ đến lớn trong bộ bài như sau: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A, 2; thứ tự các chất từ nhỏ đến lớn: Bích, Chuồn, Rô, Cơ. Ván đầu tiên, người giữ 3 bích được đánh trước, cứ thế người nào đánh hết 13 lá bài trên tay đầu tiên là người về nhất, người hết thứ hai là về nhì, người hết thứ ba là về ba và người còn lại cuối cùng là về chót. Người nào thắng ván trước được chia bài cho ván sau và được đánh đầu tiên (trừ trường hợp người khác trong 03 người còn lại giữ ba đôi liên tiếp nhau thì được ưu tiên đánh trước). Người về nhất được người thua chót chung với số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng)/ván, người về nhì được người về ba chung với số tiền 10.000 đồng (mười nghìn đồng)/ván.

Quá trình điều tra đã xác định các đối tượng tham gia đánh bạc như sau:

- Tại chiếu bạc thứ nhất:

+ Võ Thanh S sử dụng 280.000 đồng (hai trăm tám mươi nghìn đồng) vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc đã thắng 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng). Trong số tiền 2.040.000đ thu giữ trên chiếu bạc có số tiền 340.000đ của Võ Thanh S.

+ Nguyễn Hữu S2 sử dụng 860.000 đồng (tám trăm sáu mươi nghìn đồng) vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc đã thua 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng). Trong số tiền 2.040.000đ thu giữ trên chiếu bạc có số tiền 800.000đ của Nguyễn Hữu S2

+ Huỳnh Ngọc H3 sử dụng 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc không thắng, không thua. Trong số tiền 2.040.000đ thu giữ trên chiếu bạc có số tiền 400.000đ của Huỳnh Ngọc H3.

+ Võ Văn S1 sử dụng sử dụng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc không thắng, không thua. Trong số tiền 2.040.000đ thu giữ trên chiếu bạc có số tiền 500.000đ của Võ Văn S1.

Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc của các đối tượng Võ Thanh S, Nguyễn Hữu S2, Huỳnh Ngọc H3 và Võ Văn S1 là 2.040.000đ (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)

- Tại chiếu bạc thứ hai:

+ Trần B sử dụng 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng) vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc đã thua hết số tiền trên.

+ Nguyễn Thị Kiều T1 sử dụng 260.000 đồng (hai trăm sáu mươi nghìn đồng) vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc đã thua 40.000 đồng (bốn mươi nghìn đồng). Trong số tiền 1.530.000đ thu giữ trên chiếu bạc có số tiền 220.000đ của Nguyễn Thị Kiều T1.

+ Lê Văn C2 sử dụng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc đã thua 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Trong số tiền 1.530.000đ thu giữ trên chiếu bạc có số tiền 400.000đ của Lê Văn C2.

+ Nguyễn Thị H2 sử dụng 240.000 đồng (hai trăm bốn mươi nghìn đồng) vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc đã thắng 670.000 đồng (sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong số tiền 1.530.000đ thu giữ trên chiếu bạc có số tiền 910.000đ của Nguyễn Thị H2.

Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc của các đối tượng Trần B, Nguyễn Thị Kiều T1, Lê Văn C2 và Nguyễn Thị H2 là 1.530.000đ (Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)

Quá trình điều tra xác định, trong các đối tượng đánh bạc có Võ Thanh S và Trần B là những người đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm xử lý hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể:

Đối với Võ Thanh S: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 165/QĐ-XPHC, ngày 02/6/2020 của Công an huyện NH về hành vi đánh bạc trái phép, hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng đã chấp hành xong ngày 13/7/2020.

Đối với Trần B: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC, ngày 27/12/2019 của Công an xã ND, huyện TN về hành vi đánh bạc trái phép, hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng đã chấp hành xong ngày 07/01/2020.

Cáo trạng số 15 /CT-VKS-NH ngày 01/06/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NH truy tố các bị cáo Võ Thanh S và Trần B về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội; giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng đã công bố; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh S và Trần B về tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 32, Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thanh S từ 20 đến 30 triệu đồng; Trần B từ 20 đến 30 triệu đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt đối với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H2 không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện NH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cùng thực hiện hành vi đánh bạc; xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội của Nhà nước, ảnh hưởng trật tự - trị an tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi bằng hình thức đánh bài tiến lên, chơi trực tiếp với nhau hơn thua bằng tiền mặt, số tiền tham gia đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm mà còn vi phạm. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện NH truy tố các bị cáo tội “Đánh bạc” theo khoản 01 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Đối với Võ Thanh S: Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm xử lý hành chính tiếp tục có hành vi đánh bạc cùng với những người khác. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự - trị an tại địa phương nên phải xử lý bằng chế tài hình sự để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; tuy nhiên, trước đó năm 2003 đã bị khởi tố về hành vi đánh bạc nhưng đã được đình chỉ điều tra bị can; mặc dù trước đó chưa bị xét xử cũng đã thể hiện bị cáo có nhân thân xấu. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nên buộc phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ với mức trung bình của khung hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Trần B: Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm xử lý hành chính tiếp tục có hành vi đánh bạc cùng với những người khác. Cũng như bị cáo S, hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự - trị an tại địa phương nên phải xử lý bằng chế tài hình sự để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nên buộc phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ với mức gần khởi điểm của khung hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

Theo tài liệu, chứng cứ và các lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, có thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn và bị ảnh hưởng dịch COVID nên không khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ nhà nước và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Các đối tượng khác trong vụ án:

Đối với bà Nguyễn Thị Kiều T1 đã có hành vi dùng nhà ở của mình quản lý để chứa 02 chiếu bạc cùng một lúc nhưng không có thu lợi bất chính và số tiền đánh bạc, số người đánh bạc không đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự nên Công an huyện NH đã xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T1 là phù hợp.

Các đối tượng Lê Văn C2, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Hữu S2, Huỳnh Ngọc H3 và Võ Văn S1 là những người cùng tham gia đánh bạc với Võ Thanh S và Trần B nhưng có số tiền dùng để đánh bạc dưới 5.000.000đ và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 321 BLHS nên Công an huyện NH đã xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng này là đúng.

[5] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Đối với 02 bộ bài tây 52 lá thu giữ được trên 02 sòng bài. Đây là công cụ phạm tội không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ được trên sòng bài thứ nhất và 1.530.000 đồng (một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ được trên sòng bài thứ hai. Đây là số tiền dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, về phần dân sự và xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; không chấp nhận về hình phạt tiền áp dụng đối với các bị cáo.

[8] Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Võ Thanh S, Trần B phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bị cáo chấp hành án. Giao bị cáo Võ Thanh S cho Ủy ban nhân dân xã ND, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần B 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bị cáo chấp hành án. Giao bị cáo Trần B cho Ủy ban nhân dân xã ND, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.570.000 đồng (ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại tài khoản 3949.0.1041648.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2021 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH.

- Tịch thu tiêu hủy: Đối với 02 bộ bài tây 52 lá.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2021 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Võ Thanh S, Trần B mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện NH;
- Cơ quan THAHS Công an huyện NH;
- VKSND huyện NH;
- Chi cục THADS huyện NH;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã ND, huyện TN;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi